

# Hệ thống bài bản nhạc tài tử Nam bộ

## Kiều Tấn

Nhạc sĩ Kiều Tấn là hội viên

Hội sân khấu Việt Nam

Hội viên Hội nhạc sĩ Việt Nam

Hội viên Hội nhà báo Việt Nam

Hội viên Hội quốc tế âm nhạc truyền thống (ICTM – Unesco)

Trưởng ban văn nghệ đài truyền hình TPHCM

Các công trình bài viết và sách đã công bố :

« Phương pháp ký âm nhạc tài tử và cải lương » (1982)

« Văn nghệ dân gian người Mạ ở Lâm Đồng » (1983)

« Thang âm điệu thức Hồ Nam bộ » (1989)

« Tìm hiểu Điệu thức trong nhạc tài tử Nam bộ » (1992)

« Cây đàn ghi ta phím lõm » (giải nhì Hội nhạc sĩ VN, 1997)

« Hệ thống bài bản nhạc tài tử Nam bộ »(tham luận ICTM – Nitra – Slovakia 1997)

« Bảo tồn vốn bài bản âm nhạc tài tử Nam bộ »(tham luận ICTM – Hiroshima, 1999)

« Tổ chức dàn nhạc cổ của sân khấu cải lương » (2002)

Trích tuần báo Sân Khấu Thành Phố : số 647 tr.16, 28 (23-06-2003) , số 648, tr.12 (30-06-2003) ; số 649, tr.12 (07-07-2003) ; số 650, tr.12 (14-07-2003) ; số 651, tr.12 (21-07-2003), TPHCM, Việt Nam .

*LTS : Cùng với cố nhạc sĩ Vũy Chỗ, nhạc sĩ Kiều Tấn được nhiều người trong giới âm nhạc và sân khấu cải lương biết tới như một nhà nghiên cứu có nhiều đóng góp về lý luận khoa học cho nền cổ nhạc sân khấu .*

*Đã từng là nghiên cứu sinh khoa học tại Đức, nhạc sĩ Kiều Tấn hiện nay là Trưởng ban Văn nghệ đài THTP. Tuy nhiên anh vẫn dành thời gian cho các công trình khoa học và âm nhạc dân tộc .*

*Nâng cao nghệ thuật cải lương một cách toàn diện đòi hỏi người làm sân khấu thuộc mọi lĩnh vực sân khấu đều chú trọng tới yếu tố chất lượng nghệ thuật của từng khâu làm nên vở diễn trong đó nhạc tài tử Nam bộ của nhạc sĩ Kiều Tấn, báo sân khấu hy vọng bài viết được đông đảo bạn đọc quan tâm tham khảo, trao đổi để có được một định hướng đúng đắn về nhạc cải lương .*

**Âm nhạc tài tử** phát sinh trên vùng đất Nam bộ, thường được gọi là « *đờn ca tài tử* ». Đó là loại âm nhạc truyền thống lãng mạn có nguồn gốc từ nhạc cung đình Huế, do một số không đông những người chuyên nghiệp và không

chuyên nghiệp chơi trong lúc thanh thoi, nhàn rỗi nhằm mục đích giải trí, giải bày tâm linh, tình cảm với tính chất tri âm, tri kỷ với nhau .

Bài bản của nhạc tài tử trong giai đoạn đầu chủ yếu chỉ là một số bản của nhạc lễ đưa sang như : Xàng xê, Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long đăng, Long Ngâm, Vạn Giá, và Tiểu khúc . Nhạc lễ là loại khí nhạc, chuyên dùng trong các buổi lễ phong qua, tiếp rước long trọng ở triều đình hay trong các đám ma chay, lễ bái ngoài dân gian .

Vào thế kỷ XIX, nhạc lễ ở Nam bộ gọi là *nhạc ngũ âm*, trong đó chia ra hai nhóm nhạc gọi là *phe văn* và *phe võ* . Dân nhạc lễ ngũ âm chủ yếu gồm bộ gõ và nhạc cụ dây kéo vĩ<sup>1</sup> . Đến khoảng hơn giữa thế kỷ XIX, do nhu cầu phục vụ gia chủ và khách trong các tang lễ về khuya đòi hỏi âm lượng nhạc cụ phải nhỏ nhẹ, êm ái nên dân nhạc phe văn có một sự thể nghiệm mới. Đó là việc giảm bớt số nhạc cụ dây kéo vĩ chỉ còn cây đàn cò hoặc đàn gáo, bỏ đi trống nhạc, sáng tạo thêm cái song lang<sup>2</sup>, bổ sung một số nhạc cụ dây gảy<sup>3</sup>, và ống sáo hay ống địch vào dân nhạc. Với hình thức nhạc cụ là những cây đàn bằng gỗ gọn nhẹ như vậy, người ta gọi đó là *nhóm nhạc đờn cây* . Nhóm này dần dần tách hẳn khỏi dân nhạc lễ chuyển sang chơi trong các buổi hội hè, cưới hỏi hoặc phục vụ trong tư gia của các nhà giàu có, quyền quý và tính chất âm nhạc cũng nghiêng về phong cách thính phòng, trở thành một thú chơi tao nhã của những người phong lưu tài tử . Bên cạnh đó, dần dà còn có việc đặt lời ca vào một số bản của nhạc lễ và sáng tác các bài bản mới để đờn ca giải trí, phục vụ người mộ điệu, tri âm . Như vậy, từ tính chất ban đầu hoàn toàn là khí nhạc, giờ đây dòng âm nhạc này đã có thêm tính chất thanh nhạc, nghĩ là có đờn và có ca .

Từ khoảng năm 1885 trở đi, nhóm nhạc đờn cây bắt đầu phổ biến trong nhiều tầng lớp nhân dân và nhanh chóng trở thành phong trào ở Nam bộ. Họ chơi nhạc ở bất cứ nơi đâu, từ chốn que ra phố thị : trong căn phòng ấm cúng, ngoài hiên vườn hay góc ruộng, bờ tre hoặc trên sông nước ... Và để phân biệt với *nhạc ngũ âm (nhạc lễ)*, *nhạc hát bội* đang thịnh hành lúc bấy giờ , người ta gọi nhạc đờn cây là *đờn ca tài tử* <sup>4</sup>.

<sup>1</sup> Bộ gõ gồm : *trống nhạc* hay *trống bát cẩu*, *trống com*, *trống đục* , *trống cái*, *bồng* , *chập bạt*, *đầu* hoặc *thanh la*, *mõ* . Những đàn dây kéo vĩ như : *đàn cò chánh*, *đàn cò chỉ*, *đàn cò gáo tre*, *đàn cò gáo dừa* .

<sup>2</sup> Có người gọi là « song loan » . Đây là nhạc cụ gõ loại đập vỗ, tự thân vang được cải tiến từ hai miếng phách tre hoặc sênh tiền của ca nhạc Huế .

<sup>3</sup> Như *đàn tranh*, *đàn nguyệt*, *đàn tam*, *đàn tỳ bà*, *đàn đoản*, *đàn sến*

<sup>4</sup> Theo chúng tôi, thuật ngữ « tài tử » có thể được hiểu theo hai nghĩa :

Đến đầu thế kỷ XX, phong trào đồn ca tài tử đã phát triển rộng khắp Nam bộ, trong đó có một số nhóm nhạc nổi tiếng ở nhiều địa phương như : Bạc Liêu, Vĩnh Long , Sa Đéc, Vĩnh Kim và Cái Thia (Mỹ Tho), Cần Đước (Long An), Sài Gòn, vv... Các nhóm này đã liên kết theo hai khối : *khối tài tử miền Đông và khối tài tử miền Tây* với người đứng đầu là ông *Nguyễn Quang Đại tử Ba Đợi* ở Cần Đước và ông *Trần Quang Quyền tức Ký Quyền* ở Vĩnh Long. Cả hai khối đều có những cố gắng lớn trong việc cải soạn, sáng tác mới bài bản, giảng dạy và truyền bá nền âm nhạc tài tử theo cách thức riêng của mình .

Cho đến lúc này, số lượng bài bản tài tử đã rất phong phú và đa dạng . Nhạc mục tài tử ngoài số bản của nhạc lễ đưa sang còn có rất nhiều bài bản khác được cải soạn theo phong cách tài tử từ một số bản nhạc cổ truyền của Huế, hoặc là những sáng tác mới của các tài tử bậc thầy, vv... Tuy nhiên, khi hệ thống lại, người ta chỉ nói đến *20 bài bản Tổ* (còn gọi là *nhị thập huyền tổ bản*<sup>5</sup>) được cho là do ông Ba Đợi đúc kết<sup>6</sup> mà ngày nay trong giới đều công nhận là tinh hoa của nền âm nhạc tài tử . Theo ông *Nguyễn Văn Thịnh*, các bài bản khác tuy cũng rất hay nhưng nói chung đều không thoát khỏi hơi điệu, cấu trúc câu cú, nhịp phách của các bài bản tiêu biểu này .

## Bảng 1

### 20 bài bản tổ

(Hệ thống theo ông Ba Đợi, khoảng 1900)

#### 6 Bắc = BẮC

1. Lưu thủy trường
2. Phú lục chấn
3. Bình bán chấn
4. Cổ bản trường

- 
- *Tài tử* là những người tài năng (*talent*) , đúng theo ý nghĩa ban đầu của việc hình thành loại âm nhạc này - chỉ có những bậc thầy tham gia biểu diễn (*music of the talented*)
  - *Tài tử* là những người nghiệp dư (*amateur*), đúng theo ý nghĩa sau đó phong trào đồn ca tài tử phát triển rộng rãi đến với mọi tầng lớp – có cả những người không chuyên nghiệp hoặc bậc thầy nhưng không lấy đó làm kế sinh nhai tham gia biểu diễn (*music of the amateur*)

<sup>5</sup> Gần đây cũng có người gọi là *20 bài Bắc – Hạ – Nam – Oán* .

<sup>6</sup> Theo nhạc sĩ – luật sư Tấn Nhì – hiện đang ở TPHCM, kể chuyện về ông Ba Đợi . Tuy nhiên , theo chúng tôi cũng không có gì chắc chắn lắm vì lúc sinh thời ông Nguyễn Văn Thịnh tức Giáo Thịnh – một nhạc sư rất có uy tín và tên tuổi ở TPHCM, đã không xác nhận về điều này .

5. Xuân tình chán
6. Tây thi trường

### **7 bài Bắc lớn, 7 bài Cò, 7 bài Lễ, 7 bài Nhạc = HẠ**

1. Xàng xê
2. Ngũ đối thượng
3. Ngũ đối hạ
4. Long đăng
5. Long ngâm
6. Vạn giá
7. Tiểu khúc

### **3 Nam = NAM**

1. Nam xuân
2. Nam ai
3. Đảo ngũ cung

### **4 Oán = OÁN**

1. Tứ Đại Oán
2. Phụng hoàng
3. Giang nam
4. Phụng cầu

Một hệ thống bài bản khác được cho là củ cũ Huỳnh Thúc Kháng đúc kết , đó là mười loại bài bản cổ nhạc Việt Nam cũng được nhiều người lưu truyền trong giới .

Thực ra , chung quanh vấn đề này cũng có nhiều điều khúc mắc . Thứ nhất : có phải cụ Huỳnh là người hệ thống các loại bài bản này ? Thứ hai : tại sao cụ Huỳnh gọi là “mười loại bài bản âm nhạc cổ điển Việt Nam” mà nội dung các loại lại hầu hết là cổ nhạc miền Nam (nói chính xác hơn là âm nhạc tài tử Nam bộ) ? Thứ ba: ý nghĩa thực sự về tên gọi cũng như nội dung gồm có những bài bản nào trong từng loại ?

Theo tài liệu chúng tôi có được, vấn đề được bắt đầu từ bài báo của ông Lan Dương trong số ngày 17/5/1957 nơi trang kịch trường Màn ảnh của báo Tin Điểm (Sài Gòn). Theo đó, ông Lan Dương nhấn mạnh là chỉ nghe nói thôi chứ chưa xem thấy trên mặt báo Tiếng Dân (Huế) về loạt bài khảo luận về âm nhạc cổ điển của cụ Huỳnh Thúc Kháng và nêu thắc mắc “Mười loại bài

bản âm nhạc cổ điển Việt- Nam gồm có những gì ? Và ông đã đưa ra hệ thống mà ông cho là theo cụ Huỳnh, như sau /

**Bảng 2**  
(Hệ thống theo cụ Huỳnh Thúc Kháng, khoảng 1938-1943)

Mười loại bài bản âm nhạc cổ điển Việt Nam

Nhứt	Lý	(Nam và Trung)
Nhị	Ngâm	(Nam, Trung, Bắc)
Tam	Nam	(Nam)
Tứ	Oán	(Nam)
Ngũ	Điểm	(Trung, Nam)
Lục	Xuất Kỳ Sơn	(Trung , Nam)
Thất	Chánh	(Nam)
Bát	Ngự	(Nam)
Cửu	Nhĩ	(Nam)
Thập	(Thủ) liên hườn	(Trung)

Ngày 22 tháng 6, 1957, ông Nguyễn Văn Thịnh tức Giáo Thịnh đã có bài viết trả lời (ông cũng thú nhận là chưa được xem bài báo của cụ Huỳnh và với tư cách cá nhân , trong loạt bài thứ ba ông đã thử phân tích để rõ có những bài bản nào trong mười loại bài bản cổ nhạc Việt theo cụ Huỳnh Thúc Kháng . Có thể tóm tắt theo bảng sau đây :

**Bảng 3**  
(Hệ thống theo cụ Huỳnh Thúc Kháng –  
phân tích theo ông Nguyễn Văn Thịnh, 1957)  
Mười loại bài bản cổ nhạc Việt Nam

## **NHỨT LÝ**

1. Lý bốn mùa (Vọng phu)
2. Lý giao duyên
3. Lý con sáo (tam thất)
4. Lý ngựa ô Nam
5. Lý ngựa ô Bắc
6. Lý Phước Kiến
7. Lý hoài xuân
8. Lý Giang Nam

9. Lý Nam Xang
10. Lý giao dươn
11. Lý tử vi
12. Lý huê tình

## **NHÌ NGÂM**

Các loại ngâm thơ của ba miền theo các lối thơ cổ: ngũ ngôn, thất ngôn, lục bát, song thất lục bát, v.v..

## **TAM NAM**

1. Nam xuân
2. Nam ai
3. Đảo ngũ cung
4. Hạ Giang Nam (Nam chiến)
5. Vọng Giang Nam (Nam bình)
6. Ai Giang Nam (Nam ai)

## **TỬ OÁN**

1. Tứ đại oán
2. Phụng hoàng
3. Giang nam
4. Phụng cầu
5. Bình sa lạc nhạ
6. Thanh dạ đề quyên

## **NGŨ ĐIỂM**

1. Lưu thủy
2. Phũ lục
3. Bình bán
4. Cổ bản
5. Xuân tình
6. Tây Thi

## **LỤC XUẤT KỲ SƠN**

1. Cổ bản vắn
2. Tây Thi vắn
3. Kim tiền
4. Xuân phong

5. Long hổ
6. Tẩu mã

### **THẤT CHINH**

1. Xàng xê
2. Ngũ đối thượng
3. Ngũ đối hạ
4. Long đăng
5. Long ngâm
6. Vạn giá
7. Tiểu khúc

### **BÁT NGỮ**

1. Đường Thái Tôn
2. Vọng phu
3. Chiêu Quân
4. Ái tử kê
5. Bát man tấn cống
6. Tương tư
7. Duyên kỳ ngộ
8. Quả phụ hàm oan

### **CỬU NHĨ**

1. Hội Ngươn tiêu
2. Bát bản

### **THẬP THỦ LIÊN HUỒN**

1. Phẩm tuyết
2. Ngươn tiêu
3. Hồ quảng
4. Liên hườn
5. Bình bán
6. Tây mai
7. Kim Tiền
8. Xuân phong
9. Long hổ
10. Tẩu mã

Ghi chú

1. Ngũ điểm có 6 bản như trên, nhưn nếu tính cả hai loại **thủ – vĩ** và cả ba thứ nhịp: trường , vắn, tẩu mã thì tổng cộng có 36 bản Bắc .
  - 18 bản Bắc thủ (thập bát thủ), chia : 6 thủ trường , 6 thủ vắn và 6 thủ tẩu mã
  - 18 bản Bắc vĩ (thập bát vĩ) chia ra : 6 vĩ trường, 6 vĩ vắn, và 6 vĩ tẩu mã (Các bản thông dụng đều là vĩ)
2. Trong loại nhứt lý, từ bài số 7 đến 12 và trong loại tam Nam, từ bài số 4 đến 6 là thuộc miền Trung, còn lại là thuộc miền Nam hoặc có gốc miền Trung nhưng đã Nam bộ hóa .
3. Theo ông Nguyễn Văn Thịnh, ngoài 10 loại bài bản kể trên, miền Nam còn rất nhiều bài bản khác như: Trường tương tư, Văn Thiên Tường, các bộ Tứ bửu, Ngũ châu...không thấy được đề cập đến .

Cũng theo ông Nguyễn Văn Thịnh, từ năm 1945, dựa vào cách hệ thống mười loại bài bản của cụ Huỳnh Thúc Kháng và qua thực tế một số loại bài bản không được các tài tử khối miền Đông sử dụng, ông đã đúc kết lại và phổ biến một hệ thống mới gọi là 72 bài bản cổ nhạc miền Nam, còn gọi là thất thập nhị huyền công . Theo đó, người được công nhận là bậc thầy nếu chỉ am tường 20 bài bản tổ thì mới đạt ở mức cơ bản; muốn đạt trình độ cao siêu phải thông suốt nhiều hơn đến 72 bài bản . Vì vậy mới có câu :  
 “Tối thiểu: lão thông nhị thập huyền tổ bản  
 Thập đa : lịch luyện thất thập nhị huyền công

**Bảng 4****72 bài bản cổ nhạc miền Nam<sup>7</sup>**

36 bản Bắc

**18 bản Bắc thủ / 18 bản Bắc vĩ** : danh sách tên bài giống nhau

1. Lưu thủy tẩu mã
2. Phú lục tẩu mã
3. Bình bán tẩu mã
4. Cổ bản tẩu mã
5. Xuân tình tẩu mã
6. Tây thi tẩu mã
7. Lưu thủy vắn
8. Phú lục vắn

---

<sup>7</sup> « Cổ nhạc miền Nam » dùng theo từ củ ông Giáo Thịnh, lúc bấy giờ gọi là « cổ nhạc Nam phần »

9. Bình bán vắn
10. Cổ bản vắn
11. Xuân tình vắn
12. Tây thi vắn
13. Lưu thủy trường
14. Phú lục chẵn
15. Bình bán chẵn
16. Cổ bản trường
17. Xuân tình chẵn
18. Tây thi trường

### ***7 bản lễ (thất chinh)***

1. Xàng xê
2. Ngũ đối thượng
3. Ngũ đối hạ
4. Long đăng
5. Long ngâm
6. Vạn giá
7. Tiểu khúc

### ***3 bản Nam (Tam Nam )***

1. Nam xuân
2. Nam ai
3. Đảo ngũ cung

### ***6 bản oán ( Tứ oán)***

1. Tứ đại oán
2. Phụng hoàng
3. Giang Nam
4. Phụng cầu
5. Bình sa lạc nạn
6. Thanh dạ đề quyền

### ***8 bản ngự (Bát ngự )***

1. Đường Thái Tôn
2. Vọng phu
3. Chiêu Quân
4. Ái tử kê

5. Bát man tấn cống
6. Tương tư
7. Duyên kỳ ngộ
8. Quả phụ hàm oan

### **2 bản nhĩ (Cửu nhĩ)**

1. Hội ngươn tiêu
2. Bát bản

### **10 bản khách (thập thủ liên hườn)**

1. Phẩm tuyết
2. Ngươn tiêu
3. Hồ Quảng
4. Liên hườn
5. Bình bán
6. Tây mai
7. Kim tiền
8. Xuân phong
9. Long hổ
10. Tầu mã

Từ năm 1945 cho đến 1975 phong trào đờn ca tài tử Nam bộ bị chững lại, số lượng bài bản tài tử phát triển không đáng kể bởi những nguyên nhân : chiến tranh triền miên, hai khối tài tử miền Đông và tài tử miền Tây trên thực tế đã không có người dẫn dắt từ lâu và mất đối trọng đề thi thố bài bản với nhau : sự tự ti của các nhạc sĩ tài tử cho rằng có sáng tác bao nhiêu cũng không thoát ra khỏi tinh hoa của 20 bài bản tổ ; sự phát triển ào ạt của ca nhạc cải lương khiến nhiều người say mê đờn ca tập trung vào bản vọng cổ, v.v... Một số bài bản sáng tác mới còn đọng lại cho đến lúc này, có thể kể : Vọng cổ nhịp 16 và nhịp 32 (sáng tác tập thể của các soạn giả, nhạc sĩ, nghệ sĩ tài tử cải lương dựa vào bản tiền thân là bài *Dạ cổ hoài lang* của ông Cao Văn Lầu tức Sáu Lầu ở Bạc Liêu ; *Liêu Giang, Ngũ quan, Tứ bửu Liêu thành...* của ông Lê Văn Chột tức Ba Chột ở Bạc Liêu ; *Thanh dạ đề quyên, Chinh phu ly tình...* của ông Nguyễn Văn Thịnh tức Giáo Thịnh ở Sài Gòn, v.v...

Sau năm 1975, phong trào đờn ca tài tử từng bước khôi phục và phát triển lớn mạnh ở nhiều địa phương Nam bộ. Nhiều bài bản mới đã được sáng tác và phổ biến trong giới như : *Ngũ châu Minh phổ, Nam âm ngũ khúc, Ngũ cung*

*luân hoán* của ông Giáo Thịnh, *Khúc hận Nam Quan* của ông Nguyễn Thành Vinh tức Năm Vinh, *Ngũ khúc long phi* của ông Võ Văn Phú tức Mười Phú , v.v... đều là các nhạc sư tên tuổi ở TP Hồ Chí Minh. Ngoài ra, còn có hai bản oán khác chưa rõ tên tác giả cũng được phổ biến trong thời gian này là *Ngươn tiêu hội oán* và *Võ văn hội oán* .

Năm 1979, ông Chín Tâm – một nhạc sĩ tài tử có tiếng tăm ở TP Hồ Chí Minh, đã cho phổ biến trong giới thân hữu cổ nhạc một hệ thống bài bản khác, cũng dựa vào cách sắp xếp của cụ Huỳnh Thúc Kháng, và phân tích theo nhạc sư Nguyễn Văn Thịnh, gọi là điều chỉnh sự phân loại mười loại bài bản cổ nhạc miền Nam (sau đó năm 1993, ông có gửi đăng trong số báo 136 của tuần báo sân khấu TPHCM). Theo ông , sự điều chỉnh này nhằm bổ sung cho đầy đủ hơn số bài bản tài tử thông dụng mà ở bảng xếp loại năm 1979 của ông Giáo Thịnh chưa đề cập đến .

#### Bảng 5

### Mười loại bài bản cổ nhạc miền Nam<sup>8</sup>

(Bản điều chỉnh theo ông Chín Tâm, 1979)

#### *Nhứt lý*

1. Lý con sáo
2. Lý vọng phu
3. Lý giao duyên
4. Lý Ngựa ô Bắc
5. Lý Ngựa ô Nam
6. Lý Phước Kiến
7. Lý Chuồn chuồn
8. Lý Thập tình

---

<sup>8</sup> « Cổ nhạc miền Nam » dùng theo từ của ông Chín Tâm lúc bấy giờ là « cổ nhạc Nam Việt ». So với bảng sắp xếp mười loại bài bản của ông Giáo Thịnh, bảng này của ông Chín Tâm có khác ở bốn loại :

- Nhứt lý : thêm 2 bản Lý chuồn chuồn và Lý thập tình
- Tứ oán : thêm 2 bản Ngươn tiêu hội oán và Võ Văn hội oán
- Lục xuất ( bỏ chữ Kỳ Sơn) : bỏ hẳn số bản cũ vì thấy trùng hai bản trong loại ngũ điểm (Cổ bản vắn, Tây thi vắn) và trùng 4 bản trong loại Thập thủ liên hườn (Kim tiền, Xuân phong , Long hổ, Tẩu mã ) ; thay vào đó là 4 bản chưa được sắp loại trước đây (Văn Thiên Tường, Trường tương tư, Chinh phụ Nam, Tứ đại vắn) và hai bản trong loại cửu nhĩ (Hội ngươn tiêu, bát bán chấn tức bát bản)
- Cửu nhĩ : thay vào đó là 9 bản chưa được sắp xếp trước đây : 4 bản trong bộ Tứ bửu (Minh hoàng thưởng nguyệt, Ngự giá đăng lâu, Phò mã giao duyên, Ái tử kê), và 5 bản trong bộ Ngũ châu (Kim tiền bằng, Ngự giá, Hồ lan, Vạn liên, Song phi hồ điệp)

***Nhì ngâm***

Các loại thơ : lục bát, tứ tuyệt, bát cú... ngâm theo giọng Xuân hoặc Ai

***Tam Nam***

1. Nam xuân
2. Nam ai
3. Đảo ngũ cung

***Tứ oán***

1. Tứ đại oán
2. Phụng hoàng
3. Giang Nam
4. Phụng cầu
5. Bình sa lạc nhạ
6. Thanh dạ đề quyên
7. Ngươn tiêu hội quán
8. Võ văn hội oán

***Ngũ điểm***<sup>9</sup>

1. Lưu thủy
2. Phú lục
3. Bình bán
4. Cổ bản
5. Xuân tình
6. Tây Thi

***Lục xuất***

1. Văn Thiên Tường
2. Trường tương tư
3. Chinh phụ nam
4. Tứ đại vấn
5. Hội ngươn tiêu
6. Bát bản chấn

***Thất chinh***

1. Xàng xê
2. Ngũ đối thượng

---

<sup>9</sup> Ngũ điểm có 6 bản như trên, nhưng nể tính cả hai loại thủ – vĩ và cả 3 thứ nhịp : trường, vấn, tẩu mã thì tổng cộng có 36 bản Bắc

3. Ngũ đối hạ
4. Long đăng
5. Long ngâm
6. Vạn giá
7. Tiểu khúc

### ***Bát ngự***

1. Đường Thái Tôn
2. Vọng phu
3. Chiêu Quân
4. Ái tử kê
5. Bát man tấn cống
6. Tương tư
7. Duyên kỳ ngộ
8. Quả phụ hàm oan

### ***Cửu nhĩ***

1. Minh hoàng thưởng nguyệt
2. Ngự giá đăng lâu
3. Phò mã giao duyên
4. Ái tử kê
5. Kim tiền bảng
6. Ngự giá
7. Hồ lan
8. Vạn liên
9. Song phi hồ điệp

### ***Thập thủ liên hườn***

1. Phẩm tuyết
2. Ngươn tiêu
3. Hồ Quảng
4. Liên hườn
5. Bình bán
6. Tây mai
7. Kim tiền
8. Xuân phong
9. Long hổ
10. Tẩu mã

Điểm qua các hệ thống xếp loại bài bản trên, ta thấy tình hình hiểu biết về mục lục bài bản nhạc tài tử cho đến nay vẫn còn tùy tiện, chưa phản ánh đầy đủ số lượng bài bản cũng như chưa mang tính khoa học, nhất quán. Cần lưu ý rằng tiêu đề của hệ thống mười loại bài bản từ cụ Huỳnh đến ông Giáo Thinh, Chín Tâm đều không nói gì đến hai chữ « tài tử » mà là dùng từ « âm nhạc cổ điển Việt Nam » hoặc « cổ nhạc miền Nam ». Vì vậy có cái gì đó khiến cưỡng khi phải cố hiểu mười loại bài bản theo kiểu hệ thống kể trên là bài bản của nhạc tài tử Nam bộ ; còn hiểu với khái niệm rộng hơn là cổ nhạc Việt Nam thì lại càng không thể, bởi vì còn những bài bản của loại hình khác như : hát chèo, hát văn (Bắc bộ), âm nhạc cung đình, ca Huế, tuồng (Trung bộ), nhạc lễ , hát bội (Nam bộ), v.v... không lẽ không phải là cổ nhạc Việt Nam ? Ngoài ra, với sự lệ thuộc vào sắp loại theo thứ tự mười loại bài bản của cụ Huỳnh, các hệ thống kể trên đều ít nhiều bỏ sót một số lượng bài bản có giá trị khác ; phải chăng cổ nhạc Việt Nam hoặc cổ nhạc miền Nam chỉ có mười loại không thể hơn kém ? Nếu cho rằng mười loại này là nhạc tài tử Nam bộ thì phần nào đó cũng không đúng với thực tiễn bài bản của loại âm nhạc này, mặc dù đã được điều chỉnh theo cách sắp xếp của ông Chín Tâm (ví dụ như trong đờn ca tài tử không có biểu diễn độc lập hình thức ngâm thơ và các bài lý, nếu có thì cũng chỉ là với hình thức liên kết trong bài vọng cổ sau này) . Cũng có trường hợp một số khách tri âm kể cả trong giới nhạc và nhà nghiên cứu vẫn còn rối rắm hoặc ngộ nhận trong vấn đề này vì không phân biệt được đâu là bài bản của nhạc tài tử, đâu là của nhạc cải lương (ví dụ như các bản : Xang xừ líu, Ú liu ú xáng , Khổng Minh tọa lầu, Mẫu tâm tử, Thu hồ, Tam pháp nhập môn, Hoài Tĩnh, v.v... đều là nhạc cải lương nhưng vẫn liệt kê vào nhạc tài tử<sup>10</sup> )

Nhằm khắc phục những điểm bất hợp lý trên, năm 1997, chúng tôi có đề xuất một hệ thống mới<sup>11</sup> , sắp đặt theo cách phân chia thành hai hệ thống : hệ thống bản Bắc và hệ thống bản Nam (Bắc và Nam hiểu theo khái niệm dương âm trên cơ sở tính chất của thang âm điệu thức<sup>12</sup>) . Hệ thống Bắc gồm điệu thức Bắc, Xuân ; hệ thống Nam gồm điệu thức Ai, Oán. Theo đó, các bài bản theo bộ như : 3 Nam, 6 Bắc, 7 bài, 4 oán (thuộc 20 bài bản tổ) cũng như các bộ bài bản khác (trừ bộ lục xuất vì chỉ là sự trùng lập và lắp ghép) :

<sup>10</sup> Xem TRAINOR : Modality in the « nhạc tai tu » of South Vietnam, tr.50-55, Diss. Washington 1977

<sup>11</sup> Hệ thống này đã được tác giả báo cáo tham luận tại Hội đồng quốc tế âm nhạc truyền thống (ICTM – Unesco) ở Nitra, Slovakia , 1997

<sup>12</sup> Xem Kiều Tấn : « Tìm hiểu điệu thức trong âm nhạc tài tử Nam bộ », tr.303-400 (Thang âm điệu thức trong âm nhạc truyền thống một số dân tộc miền Nam), TPHCM, 1993.

bát ngữ, cửu nhĩ, thập thủ liên hườn, tứ bửu, ngũ châu được tôn trọng, giữ nguyên ; các bài bản rời mà có nhiều điệu thức khác nhau sẽ chọn tính chất điệu thức chủ đạo để đưa vào hệ thống Nam hay Bắc (ví dụ như trường hợp của bộ tam Nam hay bộ bát ngữ hoặc bản Tứ bửu Liêu thành, Liêu giang, Ngũ khúc Long phi...) ; những bài bản thuộc các điệu lý hoặc ngâm thơ được loại bỏ ( vì như đã giải thích ở trên) ; những bài bản thuộc loại bản rời hoặc sáng tác mới trước đây mà chưa phát hiện hay có từ về sau này sẽ dễ dàng bổ sung vào một trong hai hệ thống ( dựa vào tính chất thang âm điệu thức của bài bản đó ).

## Bảng 6

### Hệ thống bài bản nhạc tài tử Nam bộ (theo Kiều Tấn, 1997)

#### Hệ thống bản Bắc

##### Bản theo bộ

##### *Sáu Bắc (Ngũ điểm)*

1. Lưu thủy
2. Phù lục
3. Bình bán
4. Cổ bản
5. Xuân tình
6. Tây thi

##### *Bảy bài (Thất chinh)*

1. Xàng xê
2. Ngũ đối thượng
3. Ngũ đối hạ
4. Long đăng
5. Long ngâm
6. Vạn giá
7. Tiểu khúc

##### *Tám ngữ (Bát ngữ)*

1. Đường Thái Tôn
2. Vọng phu

3. Chiêu Quân
4. Ái tử kê (miền Đông)
5. Bát man tấn cống
6. Tương tư
7. Duyên kỳ ngộ
8. Quả phụ hàm oan

### ***Hai nhĩ (Cửu nhĩ)***

1. Hội nguyên tiêu
2. Bát bản (Bát bản chấn)

### ***Mười khách (Thập thủ)***

1. Phẩm tuyết
2. Nguyên tiêu
3. Hồ Quảng
4. Liên hườn
5. Bình bán
6. Tây mai
7. Kim tiền
8. Xuân phong
9. Long hổ
10. Tẩu mã

### ***Tứ bửu***

1. Minh hoàng thưởng nguyệt
2. Ngự giá đăng lâu
3. Phò mã giao duyên
4. Ái tử kê (miền Tây)

### ***Ngũ châu***

1. Kim tiền bảng
2. Ngự giá
3. Hồ lan
4. Vạn liên
5. Song phi hồ điệp

### ***Bản rời***

1. Ngũ đối Ai

2. Chiết tứ vĩ
3. Hội huê đăng
4. Lục luật Tiêu Hà
5. Bắc ngữ, v.v...

*Bản sáng tác mới*

1. Tứ bửu Liêu thành
2. Ngũ châu Minh phổ
3. Ngũ cung luân hoàn
4. Ngũ khúc long phi, v.v...

**Hệ thống bản Nam**

**Bản theo bộ**

***Ba Nam (Tam Nam)***

1. Nam xuân
2. Nam ai
3. Đảo ngũ cung

***Bốn oán (Tứ oán)***

1. Tứ đại oán
2. Phụng hoàng
3. Giang Nam (Giang Nam cửu khúc)
4. Phụng cầu

***Bản rời***

1. Văn Thiên Tường
2. Trường tương tư
3. Tứ đại vấn
4. Khổng Tử khóc Nhan Hôi
5. Bình sa lạc nhạ
6. Xuân nữ
7. Ngươn tiêu hội oán
8. Võ văn hội oán
9. Xuân tình bát oán
10. Quả phụ hàm oan, v.v...

***Bản sáng tác mới***

1. Dạ cổ hoài lang
2. Vọng cổ
3. Võ tác biệt
4. Liêu giang
5. Ngũ quan
6. Thanh dạ đề quyên
7. Chinh phụ ly tình (Chinh phụ Nam)
8. Nam âm ngũ khúc
9. Khúc hận Nam Quan, v.v...

Ghi chú : 6 bản Bắc nếu tính luôn theo lối thủ vĩ và cả 3 loại nhịp tẩu mã, vắn, trường (còn gọi là chấn) thì có tất cả là 36 bản . Trên thực tế trong giới nhạc chỉ thường dùng loại vĩ, còn loại thủ hầu như không dùng . Bài Quả phụ hàm oan này khác với Quả phụ hàm oan trong bát ngự. Số lượng bài bản trên đã được chúng tôi ghi âm toàn bộ qua các nghệ nhân tên tuổi ở TPHCM. Trên thực tế có thể còn một số ít bài bản khác thuộc loại bản rời hoặc sáng tác mới . Tuy nhiên, đó có thể là số bài bản đã thất truyền hoặc ít được phổ biến, hoặc chưa phát hiện ra . Chúng tôi sẽ bổ sung và phân loại sau khi name chắc số bài bản này .

Tuy đã cố gắng nhiều nhưng tính hợp lý củ bảng hệ thống trên cũng chỉ là tương đối , vì trong lịch sử phát triển của những bộ bài bản còn phải chú ý đến những vấn đề thay đổi về cấu trúc và điệu thức của mỗi bài bản .

Hy vọng việc làm này bước đầu sẽ giúp ích phần nào trong việc tìm hiểu , nghiên cứu và giảng dạy, học tập cũng như qua đó làm sáng tỏ hơn về vấn đề bài bản nhạc tài tử Nam bộ mà bay lâu nay không ít người hoài nghi hoặc ngộ nhận . Việc tìm hiểu và hệ thống bài bản tài tử một cách đúng đắn, khoa học sẽ góp phần bảo tồn cũng như đưa vốn văn hóa phi vật thể truyền thống quý báu này của Nam bộ phổ biến rộng rãi đến với nhân dân trong nước và cả trên thế giới . Vì vậy, chắc chắn khi có điều kiện chúng tôi sẽ nghiên cứu thêm cho hoàn thiện hơn .